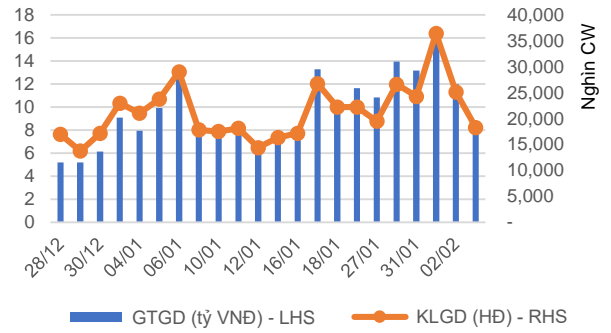
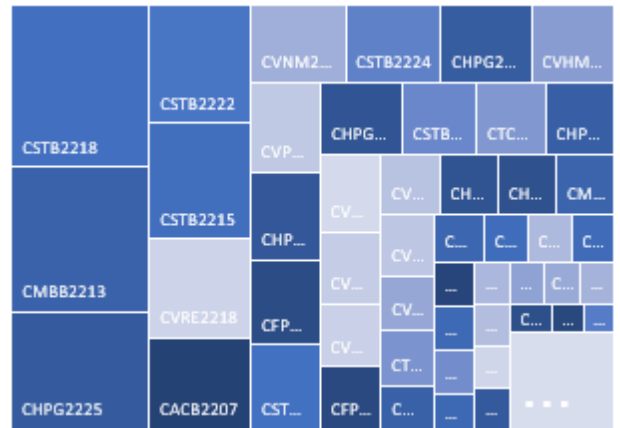


Thị trường cơ sở tiếp tục có diễn biến đi ngang và khá trầm lắng, kéo theo diễn biến trầm lắng của thị trường cơ sở. Dòng tiền tiếp tục tập trung vào các chứng quyền cổ phiếu ngân hàng như STB, MBB và các chứng quyền của HPG. Chúng tôi khuyến nghị NĐT có thể tận dụng nhịp điều chỉnh sâu của thị trường cơ sở để xem xét gia tăng tỷ trọng.

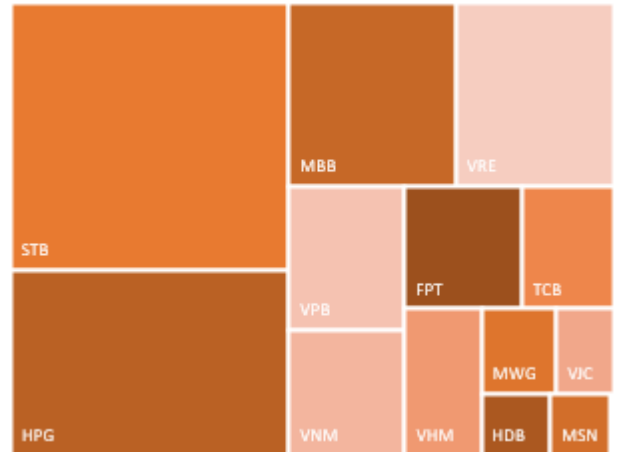
Giá trị giao dịch và Khối lượng giao dịch



Phân bố GTGD theo mã chứng quyền



Phân bố GTGD theo mã chứng khoán cơ sở



Nguồn: YSVN

KẾT QUẢ GIAO DỊCH TRONG PHIÊN VÀ CÁC CHỈ SỐ LIÊN QUAN

| Mã | Thay đổi(+/-%) | Đóng cửa | KLGD (Hợp đồng) | GTGD (tỷ VNĐ) | Trạng thái tiền | Premium | Đòn bẩy | Số phiên còn lại | Độ biến động ngẫu nhiên |
|----------|----------------|----------|-----------------|---------------|-----------------|---------|---------|------------------|-------------------------|
| CACB2207 | 0.0% | 410 | 326,000 | 0.13 | OTM | 8.6% | | 38 | 46% |
| CACB2208 | 8.8% | 1,600 | 18,500 | 0.03 | ITM | 11.6% | | 150 | 58% |
| CFPT2209 | -10.7% | 250 | 70,400 | 0.02 | OTM | 10.5% | 10.07 | 38 | 36% |
| CFPT2210 | 1.4% | 710 | 207,000 | 0.15 | OTM | 18.6% | 4.93 | 147 | 38% |
| CFPT2211 | -7.7% | 240 | 152,100 | 0.04 | OTM | 6.7% | 11.93 | 17 | 41% |
| CFPT2212 | -1.3% | 1,550 | 88,200 | 0.14 | ITM | 4.4% | 4.58 | 85 | 42% |
| CFPT2213 | -1.3% | 1,570 | 10,300 | 0.02 | ITM | 10.1% | 3.89 | 150 | 44% |
| CFPT2214 | 1.2% | 1,690 | 20,900 | 0.03 | ITM | 13.4% | 3.46 | 191 | 46% |
| CFPT2301 | 0.0% | 2,240 | - | - | OTM | 19.0% | 3.19 | 100 | 68% |
| CHDB2208 | -12.2% | 430 | 415,800 | 0.18 | OTM | 13.9% | 4.46 | 35 | 75% |
| CHDB2210 | -14.3% | 120 | 103,600 | 0.01 | OTM | 28.5% | 1.00 | 23 | 80% |
| CHPG2215 | -4.5% | 210 | 1,142,100 | 0.23 | OTM | 17.8% | 3.17 | 35 | 86% |
| CHPG2219 | -18.8% | 130 | 5,100 | - | OTM | 29.3% | 0.54 | 23 | 85% |
| CHPG2221 | 0.0% | 110 | 4,741,600 | 0.48 | OTM | 19.4% | 6.74 | 38 | 46% |
| CHPG2223 | -28.8% | 420 | 1,003,500 | 0.46 | OTM | 9.6% | 7.68 | 17 | 57% |
| CHPG2224 | -7.9% | 350 | 364,700 | 0.13 | OTM | 10.9% | 5.29 | 16 | 79% |
| CHPG2225 | -2.2% | 1,760 | 612,800 | 1.05 | ITM | 4.6% | 3.67 | 85 | 53% |
| CHPG2226 | 2.1% | 2,450 | 21,700 | 0.05 | ITM | 14.6% | 3.13 | 150 | 60% |
| CHPG2227 | -2.8% | 2,440 | 142,300 | 0.35 | ITM | 19.2% | 2.87 | 191 | 58% |
| CHPG2301 | 0.0% | 1,970 | - | - | ITM | 7.7% | 4.16 | 100 | 48% |
| CHPG2302 | 38.2% | 2,930 | 7,100 | 0.02 | ITM | 21.4% | 2.49 | 166 | 75% |
| CKDH2209 | 16.7% | 140 | 71,600 | 0.01 | OTM | 40.5% | 0.01 | 35 | 91% |
| CKDH2212 | 50.0% | 30 | 9,000 | - | OTM | 58.8% | 0.00 | 23 | 95% |
| CMBB2210 | 0.0% | 90 | 200,600 | 0.02 | OTM | 35.5% | 1.34 | 38 | 54% |
| CMBB2211 | 0.0% | 170 | 542,000 | 0.09 | OTM | 46.1% | 3.17 | 147 | 45% |
| CMBB2212 | 0.0% | 320 | 1,500 | - | ITM | 10.7% | 4.73 | 16 | 133% |
| CMBB2213 | -7.0% | 1,060 | 1,229,200 | 1.30 | ITM | 6.5% | 4.64 | 85 | 46% |
| CMBB2214 | -4.8% | 2,190 | 20,500 | 0.04 | ITM | 12.8% | 3.25 | 150 | 56% |
| CMBB2215 | -0.9% | 2,190 | 2,800 | 0.01 | ITM | 18.1% | 2.92 | 191 | 57% |
| CMBB2301 | 0.0% | 1,170 | - | - | ITM | 10.7% | 3.35 | 100 | 69% |
| CMBB2302 | 0.0% | 1,350 | - | - | OTM | 16.6% | 3.73 | 100 | 58% |
| CMSN2209 | -4.5% | 210 | 216,700 | 0.05 | OTM | 19.5% | 3.84 | 35 | 63% |
| CMSN2212 | -17.6% | 140 | 172,200 | 0.03 | OTM | 19.0% | 3.38 | 23 | 65% |
| CMSN2213 | -11.8% | 150 | 14,100 | - | OTM | 15.3% | 6.34 | 17 | 53% |
| CMSN2214 | -3.1% | 630 | 192,300 | 0.12 | OTM | 9.9% | 7.77 | 85 | 32% |
| CMSN2215 | 9.2% | 1,420 | 4,400 | 0.01 | OTM | 20.2% | 3.52 | 150 | 52% |
| CMWG2210 | 25.0% | 50 | 35,800 | - | OTM | 20.2% | 4.25 | 23 | 60% |
| CMWG2212 | 0.0% | 50 | 63,100 | - | OTM | 51.3% | 0.36 | 38 | 70% |
| CMWG2213 | 0.0% | 510 | 8,900 | - | OTM | 14.3% | 6.96 | 85 | 38% |
| CMWG2214 | 8.9% | 980 | 111,000 | 0.10 | ITM | 12.8% | 3.51 | 150 | 50% |
| CMWG2215 | -5.3% | 1,080 | 124,700 | 0.14 | ITM | 11.8% | 3.35 | 191 | 44% |
| CNVL2208 | 0.0% | 40 | 89,900 | - | OTM | 467.9% | 0.00 | 35 | 281% |
| CNVL2210 | -33.3% | 20 | 417,800 | 0.01 | OTM | 528.2% | - | 23 | 311% |
| CPDR2205 | -20.0% | 40 | 40,400 | - | OTM | 290.1% | | 35 | 240% |
| CPDR2206 | 0.0% | 30 | 479,600 | 0.01 | OTM | 279.5% | | 16 | 288% |
| CPOW2204 | -10.0% | 180 | 270,500 | 0.04 | OTM | 24.0% | | 35 | 88% |
| CPOW2208 | -25.0% | 120 | 48,200 | 0.01 | OTM | 30.9% | | 23 | 96% |
| CPOW2209 | -6.7% | 140 | 369,900 | 0.05 | OTM | 40.8% | | 45 | 86% |
| CPOW2210 | -3.0% | 960 | 72,400 | 0.07 | OTM | 16.3% | | 85 | 47% |
| CSTB2215 | 7.9% | 1,090 | 131,600 | 0.14 | ITM | 5.8% | 4.26 | 35 | 84% |
| CSTB2218 | 7.5% | 570 | 1,775,100 | 0.89 | OTM | 11.4% | 8.65 | 38 | 44% |
| CSTB2220 | 3.2% | 1,290 | 12,500 | 0.01 | ITM | 3.6% | 7.67 | 17 | 58% |
| CSTB2222 | 0.0% | 1,560 | 450,200 | 0.68 | ITM | 1.2% | 4.17 | 16 | 80% |
| CSTB2223 | 2.2% | 1,370 | 117,000 | 0.15 | ITM | 1.7% | 4.69 | 16 | 79% |
| CSTB2224 | 3.2% | 4,220 | 112,000 | 0.45 | ITM | 8.8% | 2.70 | 150 | 63% |
| CSTB2225 | 5.4% | 4,270 | 71,100 | 0.30 | ITM | 11.1% | 2.57 | 191 | 60% |
| CTCB2211 | -20.0% | 40 | 262,900 | 0.01 | OTM | 50.6% | 0.41 | 38 | 61% |

| | | | | | | | | | |
|----------|--------|-------|---------|------|-----|-------|------|-----|-----|
| CTCB2212 | -5.0% | 190 | 289,800 | 0.05 | ITM | 9.5% | 4.91 | 85 | 46% |
| CTCB2213 | -25.0% | 30 | 473,100 | 0.01 | OTM | 38.7% | 0.29 | 35 | 82% |
| CTCB2214 | -9.0% | 1,220 | 246,500 | 0.30 | OTM | 35.6% | 0.14 | 23 | 84% |
| CTCB2215 | -9.0% | 1,520 | 3,400 | 0.01 | OTM | 26.3% | 5.11 | 38 | 45% |
| CTCB2216 | 6.7% | 1,600 | 10,300 | 0.02 | OTM | 34.8% | 3.99 | 147 | 44% |
| CTPB2204 | -2.7% | 360 | 19,700 | 0.01 | OTM | 12.3% | 5.14 | 16 | 66% |
| CVHM2211 | 0.0% | 90 | - | - | OTM | 20.1% | 4.41 | 85 | 50% |
| CVHM2213 | -14.3% | 60 | 21,400 | - | OTM | 27.2% | 3.40 | 150 | 50% |
| CVHM2215 | -11.1% | 80 | 737,500 | 0.05 | OTM | 34.9% | 2.50 | 191 | 57% |
| CVHM2216 | -11.1% | 320 | 660,600 | 0.20 | ITM | 13.0% | | 150 | 62% |
| CVHM2217 | -21.7% | 180 | 188,200 | 0.04 | OTM | 22.7% | 1.45 | 35 | 60% |
| CVHM2218 | 0.0% | 590 | 170,200 | 0.10 | OTM | 20.7% | 1.10 | 23 | 60% |
| CVHM2219 | -8.3% | 990 | 37,600 | 0.04 | ITM | 4.0% | 5.61 | 35 | 60% |
| CVHM2220 | 10.0% | 1,320 | 36,300 | 0.04 | ITM | 6.3% | 7.77 | 23 | 56% |
| CVIB2201 | -8.1% | 3,080 | 400 | - | ITM | 2.5% | 9.14 | 17 | 47% |
| CVJC2204 | 0.0% | 170 | 32,500 | 0.01 | ITM | 7.2% | 4.19 | 85 | 55% |
| CVJC2206 | 0.0% | 110 | 574,000 | 0.06 | OTM | 17.7% | 4.01 | 150 | 45% |
| CVNM2207 | 1.3% | 810 | 128,300 | 0.10 | OTM | 28.5% | 5.00 | 38 | 56% |
| CVNM2209 | -5.0% | 380 | 274,600 | 0.11 | OTM | 41.2% | 3.42 | 147 | 54% |

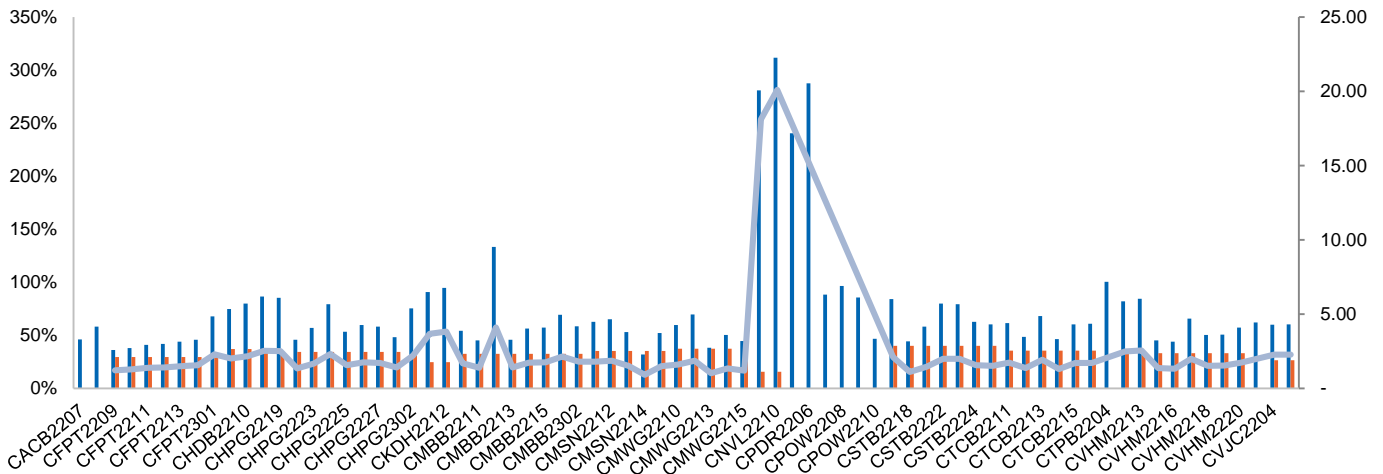
Nguồn: FiinPro, YSVN

Premium = (Giá thực hiện + Giá chứng quyền x Tỷ lệ chuyển đổi) - Giá hiện tại của CKCS (Chênh lệch giữa Giá hòa vốn và giá hiện tại của CKCS).
Đòn bẩy (Effective gearing) càng cao thì độ biến động theo CKCS càng lớn.
Để hạn chế rủi ro, NĐT nên lựa chọn những Chứng quyền đang có Trạng thái tiền dương (ITM), có Tỷ lệ Premium hoặc Độ biến động ngầm định thấp.
Ngoài ra, NĐT cũng nên ưu tiên giao dịch các Chứng quyền có Số phiên còn lại (thời gian tới khi đáo hạn) cao (trên 02 tuần) để hạn chế rủi ro

BẢNG TỔNG HỢP KHUYẾN NGHỊ KỸ THUẬT CỔ PHIẾU CƠ SỞ

| Mã | Giá khuyến nghị | Giá hiện tại | Xu hướng ngắn hạn | Xu hướng trung hạn | Mức mục tiêu ngắn hạn | Upside ngắn hạn so với giá hiện tại | Mức cắt lỗ ngắn hạn | Reward/Risk |
|-----|-----------------|--------------|-------------------|--------------------|-----------------------|-------------------------------------|---------------------|-------------|
| CTD | 37.85 | 36.75 | TĂNG | GIẢM | 42.75 | 16% | 36.43 | 3.46 |
| DPM | | 42.60 | GIẢM | GIẢM | | | 44.02 | - |
| FPT | 72.00 | 81.90 | TĂNG | TĂNG | 80.73 | -1% | 81.82 | (0.89) |
| HDB | 17.25 | 18.35 | TĂNG | GIẢM | 18.69 | 2% | 18.08 | (1.73) |
| HPG | 20.20 | 21.30 | TĂNG | GIẢM | 23.30 | 9% | 20.32 | (25.18) |
| MBB | 19.40 | 18.95 | TĂNG | GIẢM | 21.76 | 15% | 18.88 | 4.55 |
| MSN | | 96.70 | GIẢM | GIẢM | | | 103.88 | - |
| MWG | 44.95 | 49.90 | TĂNG | GIẢM | 51.18 | 3% | 44.98 | (245.99) |
| NVL | | 14.20 | GIẢM | GIẢM | | | 15.64 | - |
| PNJ | | 85.50 | GIẢM | TĂNG | | | 91.72 | - |
| REE | 73.50 | 72.40 | TĂNG | GIẢM | 79.20 | 9% | 70.22 | 1.74 |
| STB | 18.20 | 26.15 | TĂNG | GIẢM | 20.70 | -21% | 25.44 | (0.35) |
| TCB | 29.00 | 28.00 | TĂNG | GIẢM | 31.47 | 12% | 27.81 | 2.06 |
| VHM | | 47.90 | GIẢM | GIẢM | | | 51.99 | - |
| VIC | 59.20 | 55.80 | TĂNG | GIẢM | 67.43 | 21% | 54.93 | 1.93 |
| VJC | 106.90 | 112.00 | TĂNG | GIẢM | 116.07 | 4% | 110.37 | (2.64) |
| VNM | | 76.70 | GIẢM | TĂNG | | | 80.07 | - |
| VPB | | 18.40 | GIẢM | GIẢM | | | 19.76 | - |
| VRE | 28.10 | 28.85 | TĂNG | GIẢM | 30.80 | 7% | 27.86 | 11.36 |

Nguồn: YSVN

ĐỘ BIẾN ĐỘNG NGẦM ĐỊNH CỦA CHỨNG QUYỀN VS. ĐỘ BIẾN ĐỘNG QUÁ KHỨ CỦA CKCS


Nguồn: YSVN

(*) Cột màu cam là Độ biến động quá khứ của cổ phiếu cơ sở; Cột màu xanh là Độ biến động ngầm định của CW; Đường trend line màu xanh là tỷ lệ Độ biến động ngầm định/Độ biến động lịch sử.

(*) NĐT có thể sử dụng “Độ biến động ngầm định” để so sánh các chứng quyền có cùng chứng khoán cơ sở. Độ biến động ngầm định càng lớn thì kỳ vọng về mức độ biến động giá của CKCS càng cao (hay nói cách khác, Độ biến động ngầm định càng lớn thì chứng quyền càng đắt).

THÔNG TIN CHỨNG QUYỀN

| Mã chứng quyền | TCPH | Thời hạn | Tỷ lệ chuyển đổi | Giá phát hành | Khối lượng phát hành | Giá thực hiện | Ngày giao dịch cuối cùng |
|----------------|-------------|-----------|------------------|---------------|----------------------|---------------|--------------------------|
| CACB2207 | SSI | 6 tháng | 4.00000 : 1 | 1,100 | 5,000,000 | 25,500 | 29/03/2023 |
| CFPT2205 | VCI | 3 tháng | 5.93100 : 1 | 1,000 | 5,000,000 | 91,931 | 11/01/2023 |
| CFPT2209 | SSI | 6 tháng | 10.00000 : 1 | 1,850 | 5,000,000 | 88,000 | 29/03/2023 |
| CFPT2210 | SSI | 11 tháng | 10.00000 : 1 | 2,350 | 2,000,000 | 90,000 | 29/08/2023 |
| CFPT2211 | HCM | 6 tháng | 10.00000 : 1 | 1,500 | 5,000,000 | 85,000 | 28/02/2023 |
| CFPT2212 | ACBS - ACBS | 3.5 tháng | 10.00000 : 1 | 1,870 | 4,000,000 | 70,000 | 02/06/2023 |
| CHDB2208 | EPS - KIS | 6 tháng | 3.99790 : 1 | 1,100 | 5,000,000 | 19,189 | 24/03/2023 |
| CHDB2210 | EPS - KIS | 3 tháng | 3.99790 : 1 | 1,000 | 3,000,000 | 23,098 | 08/03/2023 |
| CHPG2215 | EPS - KIS | 6 tháng | 10.00000 : 1 | 1,000 | 10,000,000 | 22,999 | 24/03/2023 |
| CHPG2219 | EPS - KIS | 4 tháng | 5.00000 : 1 | 1,000 | 1,500,000 | 26,888 | 08/03/2023 |
| CHPG2221 | SSI | 6 tháng | 4.00000 : 1 | 1,000 | 5,000,000 | 25,000 | 29/03/2023 |
| CHPG2223 | HCM | 3 tháng | 2.00000 : 1 | 2,300 | 1,500,000 | 22,500 | 28/02/2023 |
| CHPG2224 | EPS - KIS | 3 tháng | 4.00000 : 1 | 1,000 | 3,000,000 | 22,222 | 27/02/2023 |
| CHPG2225 | ACBS - ACBS | 6 tháng | 3.00000 : 1 | 1,550 | 1,000,000 | 17,000 | 02/06/2023 |
| CKDH2209 | EPS - KIS | 6 tháng | 7.26900 : 1 | 1,200 | 5,000,000 | 36,344 | 24/03/2023 |
| CKDH2212 | EPS - KIS | 3 tháng | 8.00000 : 1 | 1,000 | 2,000,000 | 41,999 | 08/03/2023 |
| CMBB2210 | SSI | 3 tháng | 2.00000 : 1 | 2,000 | 1,500,000 | 25,500 | 29/03/2023 |
| CMBB2211 | SSI | 11 tháng | 4.00000 : 1 | 1,200 | 2,000,000 | 27,000 | 29/08/2023 |
| CMBB2212 | EPS - KIS | 3 tháng | 10.00000 : 1 | 1,000 | 1,000,000 | 17,777 | 27/02/2023 |
| CMBB2213 | ACBS - ACBS | 6 tháng | 3.00000 : 1 | 1,550 | 1,500,000 | 17,000 | 02/06/2023 |
| CMSN2209 | EPS - KIS | 5 tháng | 19.85390 : 1 | 1,400 | 5,000,000 | 111,413 | 24/03/2023 |
| CMSN2210 | VCI | 6 tháng | 8.00000 : 1 | 1,000 | 2,000,000 | 116,000 | 11/01/2023 |
| CMSN2212 | EPS - KIS | 3 tháng | 20.00000 : 1 | 1,100 | 3,000,000 | 112,233 | 08/03/2023 |
| CMSN2213 | HCM | 3 tháng | 10.00000 : 1 | 2,100 | 1,500,000 | 110,000 | 28/02/2023 |
| CMSN2214 | ACBS - ACBS | 11 tháng | 10.00000 : 1 | 1,640 | 3,000,000 | 100,000 | 02/06/2023 |
| CMWG2210 | EPS - KIS | 6 tháng | 20.00000 : 1 | 1,000 | 1,000,000 | 58,999 | 08/03/2023 |
| CMWG2212 | SSI | 6 tháng | 10.00000 : 1 | 1,650 | 5,000,000 | 75,000 | 29/03/2023 |
| CMWG2213 | ACBS - ACBS | 11 tháng | 6.00000 : 1 | 2,760 | 3,000,000 | 54,000 | 02/06/2023 |
| CNVL2208 | EPS - KIS | 6.5 tháng | 16.00000 : 1 | 1,200 | 1,000,000 | 79,999 | 24/03/2023 |
| CNVL2210 | EPS - KIS | 5 tháng | 16.00000 : 1 | 1,100 | 3,000,000 | 88,888 | 08/03/2023 |

| | | | | | | | |
|----------|----------------|-----------|--------------|-------|-----------|--------|------------|
| CPDR2205 | EPS - KIS | 9 tháng | 16.00000 : 1 | 1,000 | 8,000,000 | 52,999 | 24/03/2023 |
| CPDR2206 | EPS - KIS | 3 tháng | 10.00000 : 1 | 1,000 | 2,000,000 | 51,888 | 27/02/2023 |
| CPNJ2205 | VCI | 6.5 tháng | 4.43540 : 1 | 1,100 | 1,000,000 | 95,359 | 11/01/2023 |
| CPOW2204 | EPS - KIS | 6 tháng | 5.00000 : 1 | 1,000 | 5,000,000 | 13,979 | 24/03/2023 |
| CPOW2205 | VCI | 6 tháng | 1.00000 : 1 | 1,000 | 4,000,000 | 13,900 | 11/01/2023 |
| CPOW2208 | EPS - KIS | 6.5 tháng | 4.00000 : 1 | 1,000 | 1,000,000 | 15,222 | 08/03/2023 |
| CTCB2214 | ACBS - ACBS | 3.5 tháng | 3.00000 : 1 | 2,470 | 6,000,000 | 27,000 | 02/06/2023 |
| CTPB2204 | EPS - KIS | 3 tháng | 10.00000 : 1 | 1,000 | 1,500,000 | 23,888 | 24/03/2023 |
| CVHM2211 | EPS - KIS | 3 tháng | 16.00000 : 1 | 1,000 | 1,500,000 | 64,999 | 24/03/2023 |
| CVHM2213 | EPS - KIS | 3.5 tháng | 16.00000 : 1 | 1,000 | 1,000,000 | 63,979 | 08/03/2023 |
| CVHM2217 | EPS - KIS | 6.5 tháng | 10.00000 : 1 | 1,000 | 1,000,000 | 51,999 | 27/02/2023 |
| CVHM2218 | ACBS - ACBS | 11 tháng | 6.00000 : 1 | 1,650 | 3,000,000 | 54,000 | 02/06/2023 |

Nguồn: FiinPro, YSVN

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM**Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân**

Nguyễn Thế Minh
Giám đốc Nghiên cứu Phân tích
+84 28 3622 6868 ext 3826
minh.nguyen@yuanta.com.vn

Lý Thị Hiền
Trưởng phòng NC-PT
+84 28 3622 6868 ext 3908
hien.ly@yuanta.com.vn

Quách Đức Khánh
Phó Phòng NC-PT
+84 28 3622 6868 ext 3833
khanh.quach@yuanta.com.vn

Khổng Hữu Hiệp
Chuyên viên phân tích cao cấp
+84 28 3622 6868 ext 3912
hiep.khong@yuanta.com.vn

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng
Chuyên viên phân tích cao cấp
+84 28 3622 6868 ext 3832
hong.nguyen@yuanta.com.vn

Phạm Tấn Phát
Chuyên viên phân tích cao cấp
+84 28 3622 6868 ext 3880
phat.pham@yuanta.com.vn

Ngô Thanh Thảo
Trợ lý phân tích
+84 28 3622 6868 ext 3952
thao.ngo@yuanta.com.vn

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Phạm Đắc Thành
Giám đốc Khu vực Miền Bắc
+84 28 3622 6868 ext 3416
thanh.pham@yuanta.com.vn

Võ Thị Thu Thủy
Giám đốc chi nhánh Bình Dương
+84 28 3622 6868 ext 3505
thuy.vo@yuanta.com.vn

Lương Kỳ Ty
Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn
+84 28 3622 6868 ext 3653
ty.luong@yuanta.com.vn

Bùi Quốc Phong
Giám đốc chi nhánh Đồng Nai
+84 28 3622 6868 ext 3701
phong.bui@yuanta.com.vn

Võ Đình Tuấn
Giám đốc chi nhánh Đà Nẵng
+84 28 3622 6868 ext 3301
tuan.vo@yuanta.com.vn

Nguyễn Việt Quang
Giám đốc chi nhánh Hà Nội
+84 28 3622 6868 ext 3404
quang.nguyen@yuanta.com.v
n

Đinh Thị Thu Cúc
Giám đốc chi nhánh Vũng Tàu
+84 28 3622 6868 ext 3203
cuc.dinh@yuanta.com.vn

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12-month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2020 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written consent of Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited.